

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
BIẾN THÉ VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI**

*Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán	04 – 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 – 25
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, Km2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Ủy viên
Ông Đoàn Thế Dũng	Ủy viên
Ông Tôn Long Ngà	Ủy viên
Ông Trương Thanh Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Long Trí	Tổng giám đốc
Ông Hoàng Văn Chính	Giám đốc chuyên môn

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thược	Ủy viên
Bà Lê Văn Anh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng giám đốc

Trần Long Trí

Số : .../2013/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội được lập ngày 10 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang ... đến trang ... kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Một số thành phẩm máy biến áp còn tồn tại 31/12/2012 là các máy biến áp sản xuất theo đơn đặt hàng nhưng sau đó khách hàng không lấy hàng nữa. Tổng giá trị các máy biến áp này là 569.798.432 VND. Hiện tại Đơn vị chưa đánh giá giá trị thu hồi cũng như chưa có các phương án xử lý. Bằng các thủ tục thay thế khác, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá giá trị có thể thu hồi được của lượng hàng này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Như đã đề cập tại thuyết minh số 4, theo kết luận thanh tra thuế số 13574/KL-CT-TTr1 ngày 05/06/2012 thì số thuế VAT đầu vào không được khấu trừ của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 3.628.738.209 đồng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIỂN THỂ VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về vấn đề sau: Năm 2012, Công ty thay đổi khung khấu hao của một số Tài sản cố định. Chênh lệch khấu hao tính theo khung cũ và mới là: 539.766.472 đồng

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.130.132.521	45.511.112.210
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.195.317.803	12.617.982.511
111	1. Tiền		3.195.317.803	3.317.982.511
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	9.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.390.138.579	10.113.788.746
131	1. Phải thu khách hàng		7.165.193.984	11.170.648.017
132	2. Trả trước cho người bán		-	5.505.000
135	3. Các khoản phải thu khác	4	3.678.286.265	1.426.152.817
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.453.341.670)	(2.488.517.088)
140	IV. Hàng tồn kho	5	20.505.600.234	22.694.800.832
141	1. Hàng tồn kho		20.505.600.234	22.694.800.832
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.075.905	84.540.121
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.507.905	70.650.121
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	6	17.568.000	13.890.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.602.366.724	19.091.808.441
220	II . Tài sản cố định		17.334.294.726	18.858.639.410
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	13.324.232.226	14.848.576.910
222	- Nguyên giá		32.963.008.157	32.963.008.157
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.638.775.931)	(18.114.431.247)
228	- Nguyên giá		16.274.000	16.274.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.274.000)	(16.274.000)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	4.010.062.500	4.010.062.500
260	V. Tài sản dài hạn khác		268.071.998	233.169.031
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	268.071.998	233.169.031
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		51.732.499.245	64.602.920.651

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		16.053.899.823	16.348.497.866
310	I. Nợ ngắn hạn		16.035.899.823	16.282.234.958
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	5.670.000.000	5.707.000.005
312	2. Phải trả người bán		6.038.329.772	5.870.521.350
313	3. Người mua trả tiền trước		761.623.475	1.100.590.518
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	279.793.255	588.769.482
315	5. Phải trả người lao động		72.332.824	1.147.688.509
316	6. Chi phí phải trả	12	725.674.500	342.088.306
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	2.422.267.594	1.455.808.210
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	20.708.000
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		65.878.403	49.060.578
330	II. Nợ dài hạn		18.000.000	66.262.908
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	66.262.908
338	2. Doanh thu chưa thực hiện		18.000.000	-
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.678.599.422	48.254.422.785
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	33.308.645.422	45.884.468.785
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.197.775.000	4.197.775.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.583.775.960	3.583.775.960
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	295.000.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.917.905.538)	2.807.917.825
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.369.954.000	2.369.954.000
432	1. Nguồn kinh phí		2.369.954.000	2.369.954.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		51.732.499.245	64.602.920.651

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
		VND	VND
1. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		2.490.000.000	2.490.000.000

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lý

Trần Long Trí

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	16.707.724.029	55.914.269.319
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	1.417.735.953	931.200.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	15.289.988.076	54.983.069.319
11	4. Giá vốn hàng bán	18	14.744.411.998	47.600.047.472
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		545.576.078	7.383.021.847
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.009.539.574	1.115.388.521
22	7. Chi phí tài chính	20	640.650.504	813.217.866
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			813.217.866
24	8. Chi phí bán hàng		259.896.290	386.600.405
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.572.474.396	4.376.689.145
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.917.905.538)	2.921.902.952
31	11. Thu nhập khác		-	100.000.000
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	100.000.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.917.905.538)	3.021.902.952
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	313.985.127
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.917.905.538)	2.707.917.825
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	(2.834)	774

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lý

Trần Long Trí

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		21.450.988.304	57.481.503.264
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(11.662.995.388)	(52.319.864.332)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.058.481.200)	(5.426.864.910)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(344.864.310)	(621.671.600)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(213.169.750)	(578.144.522)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		338.432.146	2.597.510.899
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.310.601.423)	(5.071.525.240)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.800.691.621)	(3.939.056.441)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(220.000.000)	-
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác+C10			(30.000.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			30.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		992.609.018	1.191.277.410
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		772.609.018	1.191.277.410
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
34	1. Tiền chi trả nợ gốc vay		(37.000.005)	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.357.582.100)	(1.557.447.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.394.582.105)	(1.557.447.200)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.422.664.708)	(4.305.226.231)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12.617.982.511	16.923.208.742
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	8.195.317.803	12.617.982.511

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lý

Trần Long Trí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, Km2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn). Tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100779340 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 09 năm 2005 (Giấy đăng ký kinh doanh số 0103009203 thay đổi lần 6 ngày 19 tháng 11 năm 2010), hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110 KV;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110 KV;
- Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, vật tư thiết bị điện, điện tử, thông tin viễn thông;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, mua bán máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện có điện áp đến 110 KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện và vật liệu cách điện.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	138.357.835	71.435.156
Tiền gửi ngân hàng	3.056.959.968	3.246.547.355
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	9.300.000.000
	8.195.317.803	12.617.982.511

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về tiền Bảo hiểm y tế	32.617.500	46.679.024
Phải thu lãi Hợp đồng tiền gửi	16.930.556	-
Phải thu khác	3.628.738.209	1.379.473.793
- <i>Phải thu các đối tượng khác</i> ⁽¹⁾	3.628.738.209	1.379.473.793
	3.678.286.265	1.426.152.817

⁽¹⁾ Là khoản tiền thuế VAT đầu vào không được khấu trừ theo Kết luận thanh tra thuế số 13574/KL-CT-TTr1 ngày 05/06/2012.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.828.291.738	14.184.734.802
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	635.777.691	3.048.529.364
Thành phẩm	6.779.081.374	5.381.860.849
Hàng gửi đi bán	262.449.431	79.675.817
	20.505.600.234	22.694.800.832

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	11.430.000	4.430.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.138.000	9.460.000
	17.568.000	13.890.000

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.065.705.333	16.412.939.409	2.096.248.331	1.388.115.084	32.963.008.157
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.065.705.333	16.412.939.409	2.096.248.331	1.388.115.084	32.963.008.157
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.739.418.583	9.002.218.507	1.223.549.340	1.149.244.817	18.114.431.247
Số tăng trong năm	183.570.890	1.069.658.783	216.826.369	54.288.642	1.524.344.684
- <i>Khấu hao trong năm</i>	<i>183.570.890</i>	<i>1.069.658.783</i>	<i>216.826.369</i>	<i>54.288.642</i>	<i>1.524.344.684</i>
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.922.989.473	10.071.877.290	1.440.375.709	1.203.533.459	19.638.775.931
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.326.286.750	7.410.720.902	872.698.991	238.870.267	14.848.576.910
Tại ngày cuối năm	6.142.715.860	6.341.062.119	655.872.622	184.581.625	13.324.232.226

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.464.712.215 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 1.302.097.474 đồng

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định		
- Máy hồ quang xoay chiều, có biến thế và tụ	484.462.500	484.462.500
- Máy đột dập nhập khẩu	3.525.600.000	3.525.600.000
	4.010.062.500	4.010.062.500

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	233.169.031	364.908.772
Số tăng trong năm	227.607.984	109.961.000
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(192.705.017)	(241.700.741)
	268.071.998	233.169.031

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí cải tạo, sửa chữa	260.464.014	66.872.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.607.984	166.297.031
	268.071.998	233.169.031

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn đối tượng khác		
- Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam ⁽¹⁾	5.670.000.000	5.670.000.000
- Ông Phí Hữu Tâm	-	37.000.005
	5.670.000.000	5.707.000.005

⁽¹⁾ Bao gồm 02 hợp đồng sau:

Hợp đồng vay vốn số 001/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 02/04/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 1.620.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 30/06/2012;
- Lãi suất vay: 13%/năm;
- Hình thức bảo đảm khoản vay: Tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 003/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 12/05/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 4.050.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 30/06/2012;
- Lãi suất vay: 13%/năm;
- Hình thức bảo đảm khoản vay: Tín chấp.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	274.148.266	370.261.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	213.169.750
Thuế thu nhập cá nhân	5.644.989	2.938.389
Các loại thuế khác	-	2.400.000
	279.793.255	588.769.482

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	675.674.500	342.088.306
- Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện	675.674.500	332.778.400
- Ông Phí Hữu Tâm	-	9.309.906
Chi phí phải trả khác	50.000.000	-
	725.674.500	342.088.306

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	87.296.894	213.255.410
Cổ tức phải trả Tổng Công ty	2.334.970.700	1.242.552.800
	2.422.267.594	1.455.808.210

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	4.197.775.000	(73.445.305)	3.583.775.960	-	3.252.694.821
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.707.917.825
Tăng khác	-	-	73.445.305	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.800.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	295.000.000	(352.694.821)
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	4.197.775.000	-	3.583.775.960	295.000.000	2.807.917.825
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	(9.917.905.538)
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(2.450.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	150.000.000	(150.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(207.917.825)
Số dư cuối năm nay	35.000.000.000	4.197.775.000	-	3.583.775.960	445.000.000	(9.917.905.538)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	17.320.910.000	49,49%	17.320.910.000	49,49%
Vốn góp của đối tượng khác	17.679.090.000	50,51%	17.679.090.000	50,51%
Cộng	35.000.000.000	100,00%	35.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.450.000.000	2.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>2.450.000.000</i>	<i>2.800.000.000</i>

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 18/03/2012, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		2.807.917.825
Trích quỹ dự phòng tài chính	5,3%	150.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,4%	207.917.825
Chia trả cổ tức năm 2011	87,3%	2.450.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.401.400.712	55.527.184.775
Doanh thu cung cấp dịch vụ	306.323.317	387.084.544
	16.707.724.029	55.914.269.319

16. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	927.500.000	-
Hàng bán bị trả lại	490.235.953	931.200.000
	1.417.735.953	931.200.000

17. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.983.664.759	54.595.984.775
Doanh thu cung cấp dịch vụ	306.323.317	387.084.544
	15.289.988.076	54.983.069.319

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	14.744.411.998	47.600.047.472
	14.744.411.998	47.600.047.472

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.009.539.574	1.115.388.521
	1.009.539.574	1.115.388.521

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	640.650.504	813.217.866
	640.650.504	813.217.866

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.917.905.538)	2.707.917.825
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.917.905.538)	2.707.917.825
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.834)	774

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.928.043.336	39.043.429.868
Chi phí nhân công	3.663.046.991	6.655.773.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.041.302.399	2.095.288.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	809.700.316	629.143.675
Chi phí khác bằng tiền	5.469.238.717	1.532.051.895
	19.911.331.759	49.955.687.675

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.195.317.803	-	45.511.112.210	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.843.480.249	(5.453.341.670)	12.596.800.834	(2.488.517.088)
Cộng	19.038.798.052	(5.453.341.670)	58.107.913.044	(2.488.517.088)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	5.670.000.000	5.707.000.005
Phải trả người bán, phải trả khác	8.460.597.366	7.326.329.560
Chi phí phải trả	725.674.500	342.088.306
Cộng	14.856.271.866	13.375.417.871

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan .

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty **có trách nhiệm** theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.195.317.803	-	-	8.195.317.803
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.843.480.249	-	-	10.843.480.249
Cộng	19.038.798.052	-	-	19.038.798.052
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.511.112.210	-	-	45.511.112.210
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.596.800.834	-	-	12.596.800.834
Cộng	58.107.913.044	-	-	58.107.913.044

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	5.670.000.000	-	-	5.670.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.460.597.366	-	-	8.460.597.366
Chi phí phải trả	725.674.500	-	-	725.674.500
Cộng	14.856.271.866	-	-	14.856.271.866
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	5.707.000.005	-	-	5.707.000.005
Phải trả người bán, phải trả khác	7.326.329.560	-	-	7.326.329.560
Chi phí phải trả	342.088.306	-	-	342.088.306
Cộng	13.375.417.871	-	-	13.375.417.871

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Lãi vay			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	572.002.005	467.671.600
Mua hàng hóa			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	1.528.238.690	-
Thanh toán cổ tức			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	1.087.233.700	-
Bán hàng			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	63.250.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	63.250.000	-
Phải trả người bán			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	1.528.238.690	-
Phải trả khác			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	2.334.970.700	1.242.552.800
Vay ngắn hạn			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	5.670.000.000	5.670.000.000
Lãi vay phải trả			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	675.674.500	332.778.400

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lý

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc

Trần Long Trí